

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 662/TTr-TNMT ngày 20/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm y tế huyện Lạng Giang, địa chỉ trụ sở chính tại thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lạng Giang” tại thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lạng Giang”.

1.2. Chủ dự án: Trung tâm y tế huyện Lạng Giang.

1.3. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang được UBND tỉnh Bắc Giang quyết định thành lập tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

Kế hoạch số 127/KH-SYT ngày 19/10/2022 của Sở Y tế về việc Thực hiện Nghị Quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ, Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 03/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát

triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.5. Mã số thuế: 2400470814.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện tại thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 22.847,4m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Dự án có tiêu chí dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Quy mô 250 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm y tế huyện Lạng Giang được cấp Giấy phép môi trường

1. Trung tâm y tế huyện Lạng Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Trung tâm y tế huyện Lạng Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý

chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lạng Giang” do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lạng Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lạng Giang” tại thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-TNMT ngày 29/9/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Trung tâm y tế huyện Lạng Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang, UBND thị trấn Vôi, Trung tâm y tế huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Trung tâm y tế huyện Lạng Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN_{Việt Anh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải:** Gồm 02 nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc trong dự án, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh (*thí nghiệm, xét nghiệm, thanh trùng, khử trùng dụng cụ y khoa, phòng giặt tẩy, rửa sàn...*).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: Gồm 1 dòng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm của dự án trước khi xả ra ngoài môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của cánh đồng thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại đầu ống UPVC Φ200 ở phía tường rào bên ngoài dự án và cách cổng chính của dự án khoảng 50 m trước khi xả vào mương thoát nước của cánh đồng thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang.

- Tọa độ xả thải: X = 2362655; Y = 423288 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 87 m³/ngày đêm tương đương khoảng 3,63 m³/giờ (Tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của dự án được xả theo phương thức tự chảy theo đường ống UPVC Φ200 xả vào mương thoát nước của cánh đồng thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào mương thoát nước bên ngoài dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD ₅)	mg/l	60	
3	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24	
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ ở các bể tự hoại, nước thải phát sinh trong quá trình chế biến thực phẩm, ăn uống và nước thải y tế phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh (*thí nghiệm, xét nghiệm, thanh trùng, khử trùng dụng cụ y khoa, phòng giặt tẩy, rửa sàn...*) được thu gom chung qua đường ống UPVC Φ200 - UPVC Φ315 với tổng chiều dài 595 m, sau đó dẫn về vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế => Hồ ga => Ngăn lắng cát và tách rác => Ngăn điều hòa => Ngăn hiếu khí chứa đệm vi sinh => Ngăn tuần hoàn => Ngăn lắng lọc => Ngăn khử trùng => Ngăn chứa nước sau xử lý => Hồ ga (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải vào mương thoát nước bên ngoài).

- Công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải: 150 m³/ngày đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho trạm xử lý nước thải: Viên Clo nén 260 g/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải (máy bơm, máy thổi khí,...);

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, đường ống công nghệ để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành và tuân thủ đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên vận hành có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống khác phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 15/3/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- 01 vị trí tại bể thu gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
- 01 vị trí tại hố ga sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải trước khi xả thải vào mương thoát nước của cánh đồng thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B) (*Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

<i>TT</i>	<i>Vị trí lấy mẫu</i>	<i>Tần suất lấy mẫu</i>
1	- 01 vị trí tại bể thu gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.	- Lấy mẫu đơn 1 lần. - Thời gian dự kiến lấy mẫu ngày: 02/01/2023
2	- 01 vị trí tại hố ga sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải trước khi xả thải vào mương thoát nước của cánh đồng thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang	- Dự kiến tiến hành lấy mẫu 1 ngày/lần trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: 02/01/2024 + Lần 2: 03/01/2024 + Lần 3: 04/01/2024

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào mương thoát nước của cánh đồng thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy phát điện
- Nguồn số 02: Phát sinh từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0).

- Vị trí số 01: Phát sinh từ máy phát điện. Tọa độ X = 2363422; Y = 423238.
- Vị trí số 02: Phát sinh từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tọa độ X = 2363357; Y = 423267.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Tổ chức tiếp nhận bệnh nhân theo tuyến, tránh chồng chéo quá tải gây mất trật tự khám chữa bệnh.

- Hạn chế việc tập trung đông người nhà bệnh nhân trong khu vực khám chữa 8 bệnh. Có quy định chế độ giờ giấc thăm bệnh nhân.

- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện phải tắt máy (trừ các phương tiện cấp cứu).

- Đối với máy phát điện:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng. Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện lưới.

+ Đặt cách xa khu vực phòng bệnh nhân và nơi đông người qua lại.

+ Đặt cố định, chắc chắn để chống rung, lắp đặt thiết bị giảm thành, chống ồn.

- Đối với máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải được xây riêng biệt; được bảo dưỡng thường xuyên; đặt cố định, chắc chắn để chống rung, lắp đặt thiết bị giảm thành, đặt thiết bị trong phòng cách âm, chống ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Các loại chất thải nguy hại	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải lây nhiễm từ quá trình khám chữa bệnh: Bơm kim tiêm, bệnh phẩm, chất thải giải phẫu, đầu sắc nhọn của dây truyền...	kg/năm	10.285
2	Hóa chất thải từ quá trình xét nghiệm, khám chữa bệnh	kg/năm	791
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	kg/năm	63
4	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	kg/năm	13
5	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg/năm	47
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg/năm	24
7	Dầu động cơ và dầu bôi trơn tổng hợp thải	kg/năm	47
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	kg/năm	2
9	Mực in thải có thành phần nguy hại	kg/năm	2
10	Pin, ắc quy thải	kg/năm	40
Tổng số lượng			11.313

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn y tế thông thường: Phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh, điều trị,... không chứa các thành phần nguy hại. Thành phần và khối lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh được thể hiện ở bảng sau:

TT	Các loại chất thải rắn y tế thông thường	Đơn vị	Khối lượng
1	Giấy các loại: Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng các tông, túi nilon,...	kg/ngày	5
2	Kim loại, vỏ hộp bằng kim loại	kg/ngày	3
3	Chai lọ thủy tinh, chai lọ thuốc bằng thủy tinh	kg/ngày	6
4	Chai, túi nhựa các loại, bơm kim tiêm bằng nhựa	kg/ngày	3

5	Các loại chất thải rắn khác: Băng dính, dây buộc, vỏ xốp...	kg/ngày	13
Tổng		kg/ngày	30

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Phát sinh trong quá trình xử lý nước thải của dự án với tổng lượng phát sinh khoảng 0,1 m³/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 253 kg/ngày tương đương với khoảng 7590 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 50 thùng, hộp đựng (16 hộp kháng thùng 5 lít, 24 thùng 25 lít và 8 thùng 60 lít và 02 thùng 5 lít) ở các phòng khám chữa bệnh, xét nghiệm...

- Bố trí 23 thùng đựng chất thải dung tích từ 120 – 200 lít ở trong kho chứa chất thải nguy hại dán mã số tương ứng với từng loại bên ngoài thùng.

- Bố trí 1 tủ đông với dung tích 250 lít để lưu giữ các loại chất thải lây nhiễm, dán mã số tương ứng bên ngoài tủ đông.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất 2 ngày/1 lần với chất thải nguy hại lây nhiễm và 6 tháng/ 1 lần với chất thải nguy hại không lây nhiễm.

2.1.2. Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kết cấu tường xây gạch, trát vữa, nền lát gạch, mái bán tôn, có cửa ra vào, dán biển báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 50 thùng đựng chất thải dung tích 30 lít – 60 lít ở các khu vực: Phòng khám chữa bệnh, hành lang.

- Bố trí 5 thùng đựng chất thải dung tích 120 lít – 150 lít đặt trong kho chứa chất thải y tế thông thường.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường theo quy định với tần suất 3 tháng/1 lần.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải y tế thông thường

- Diện tích khu lưu chứa: 24 m².

- Kết cấu khu lưu chứa: Kết cấu tường xây gạch, trát vữa, nền lát gạch, mái bán tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 50 thùng đựng rác màu xanh, có nắp đậy dung tích từ 10 lít đến 150 lít ở các khu vực: Khuôn viên, hành lang, sảnh, trước cửa phòng khám...

- Bố trí 10 thùng rác màu xanh có nắp đậy, có bánh xe với dung tích 150 lít tập kết ở khu tập kết chất thải sinh hoạt.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường theo quy định với tần suất 01 lần/ ngày.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích khu tập kết chất thải sinh hoạt: 20 m².

- Kết cấu khu tập kết chất thải sinh hoạt: Kết cấu nền đổ bê tông, khung thép, mái tôn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải,. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Trung tâm y tế huyện Lạng Giang có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 662/TTr-TNMT ngày 20/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.